



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024 37684495|Fax: 024 37684490|Website: www.scigroup.vn

Số: 624/2017/CBTT-SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2017

(V/v: Công bố thông tin BCTC hợp nhất bán niên năm 2017 đã được soát xét)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- Tên đơn vị:** CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
- Mã chứng khoán:** S 99
- Trụ sở chính:** T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Điện thoại:** (84.4) 3 768 4495      **Fax:** (84.4) 3 768 4490
- Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng
- Nội dung của thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty cổ phần SCI được ký ngày 22/08/2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

**7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng cảm ơn./.**

**Nơi nhận:**

- Như k/gửi.
- Lưu P.HCNS.

**Đính kèm: BCTC.**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lương Thanh Tùng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: 024 3768 4495 | Fax: 024 3768 4490 | Website: www.scigroup.vn

Số: 62 /2017/ SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2017

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2017 giảm trên 10% so với bán niên năm 2016.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI  
Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 3 768 4495 Fax: (84.4) 3 768 4490  
Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI  
Mã chứng khoán: S99

Công ty Cổ phần SCI xin giải trình về kết quả kinh doanh báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2017 giảm trên 10% so với kết quả kinh doanh báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Bán niên 2017	Bán niên 2016	Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.846.368.126	14.882.016.436	(12.035.648.310)

**Nguyên nhân :**

Trong 6 tháng đầu năm 2017, doanh thu tài chính của công ty giảm so với 6 tháng đầu năm 2016 làm cho lợi nhuận kế toán giảm tương ứng.

**Trân trọng cảm ơn./.****Nơi nhận:**

- Như k/gửi.
- Lưu P.HCNS.

**Đính kèm: Không.****Lương Thanh Tùng**



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-42

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Lương Thanh Tùng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588

Fax: (+84 4) 3868 6248

Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 590/BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 28 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>716.675.714.672</b>	<b>609.516.251.345</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>164.314.507.997</b>	<b>63.661.423.814</b>
111	1. Tiền		134.314.507.997	50.661.423.814
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	13.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>36.183.607.492</b>	<b>174.681.548.492</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		43.019.351.561	40.912.601.561
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(7.085.744.069)	(6.481.053.069)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	140.250.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>245.614.150.817</b>	<b>190.996.469.659</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	191.956.384.122	129.910.504.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		38.069.833.297	33.423.804.106
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	39.304.580.368	51.497.067.216
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(23.716.646.970)	(23.834.906.566)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>242.599.599.519</b>	<b>168.840.681.453</b>
141	1. Hàng tồn kho		242.599.599.519	168.861.718.985
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(21.037.532)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.963.848.848</b>	<b>11.336.127.926</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.413.760.054	732.628.369
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		26.460.566.524	10.420.525.817
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	89.522.270	182.973.740
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>624.506.629.716</b>	<b>365.155.208.580</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>660.000.000</b>	<b>4.578.774.500</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	3.962.814.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	660.000.000	615.960.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>145.951.120.118</b>	<b>149.686.677.357</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	145.847.995.165	149.577.302.402
222	- Nguyên giá		246.618.294.964	246.367.858.218
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(100.770.299.799)	(96.790.555.816)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	103.124.953	109.374.955
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(239.375.047)	(233.125.045)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	9	<b>244.033.726.425</b>	<b>114.079.736.524</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		244.033.726.425	114.079.736.524
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>225.550.000.000</b>	<b>85.550.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.550.000.000	85.550.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		140.000.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.311.783.173</b>	<b>11.260.020.199</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.200.641.602	9.380.779.799
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.a	3.111.141.571	1.879.240.400
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.341.182.344.388</b>	<b>974.671.459.925</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>841.538.919.895</b>	<b>474.594.806.286</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>626.705.058.953</b>	<b>340.186.415.226</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	72.419.118.405	72.460.109.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	149.134.979.148	31.903.514.724
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.892.032.025	5.818.093.488
314	4. Phải trả người lao động		21.565.446.685	19.801.598.553
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	22.659.792.480	11.196.322.793
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	65.978.413.770	4.963.467.289
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	286.807.719.123	191.794.148.843
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.247.557.317	2.249.160.045
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>214.833.860.942</b>	<b>134.408.391.060</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	211.800.882.219	131.375.412.337
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.b	2.976.163.723	2.976.163.723
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>499.643.424.493</b>	<b>500.076.653.639</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>499.643.424.493</b>	<b>500.076.653.639</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		388.491.390.000	388.491.390.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		388.491.390.000	388.491.390.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.509.031.972	9.226.367.080
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.978.340.293	42.692.268.458
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		41.751.848.957	27.948.886.409
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.226.491.336	14.743.382.049
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		55.682.496.228	58.684.462.101
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.341.182.344.388</b>	<b>974.671.459.925</b>

Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	175.173.170.499	112.934.950.854
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		175.173.170.499	112.934.950.854
11	4. Giá vốn hàng bán	21	143.619.632.502	91.223.394.128
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.553.537.997	21.711.556.726
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.062.146.784	54.478.394.591
22	7. Chi phí tài chính	23	19.615.671.785	27.146.143.219
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.951.081.042	11.542.434.087
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	17.377.777.358	32.152.112.315
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.622.235.638	16.891.695.783
31	12. Thu nhập khác		716.486.607	1.195.029.473
32	13. Chi phí khác		714.641.040	830.556.844
40	14. Lợi nhuận khác		1.845.567	364.472.629
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.624.081.205	17.256.168.412
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.009.614.250	2.327.083.576
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.c	(1.231.901.171)	47.068.400
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.846.368.126</u>	<u>14.882.016.436</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		3.226.491.336	13.132.721.174
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(380.123.210)	1.749.295.262
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	83	355

Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.624.081.205	17.256.168.412
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.098.660.473	8.688.448.531
03	- Các khoản dự phòng		465.393.872	9.707.126.080
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(71.175.814)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.815.358.824)	(8.796.538.207)
06	- Chi phí lãi vay		17.951.081.042	11.542.434.087
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.252.681.954	38.397.638.903
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(74.521.085.354)	85.258.151.954
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(73.737.880.534)	(30.640.681.282)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		137.880.187.775	(32.713.060.016)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.499.006.512	(950.440.292)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(2.106.750.000)	75.473.960.737
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.574.705.319)	(11.617.158.355)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.118.317.852)	(7.205.230.516)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(483.726.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.426.862.818)	115.519.454.733
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(135.905.351.143)	(28.800.601.449)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		881.363.634	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(80.000.000.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.114.894.347	5.993.093.762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.909.093.162)	(107.807.507.687)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		362.567.941.375	150.938.294.741
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(187.128.901.213)	(122.708.956.609)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.450.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		172.989.040.162	28.229.338.132
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		100.653.084.182	35.941.285.178

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		63.661.423.814	32.717.881.915
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>164.314.507.997</u>	<u>68.659.167.093</u>

Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	51,00%	51,00%	Xây dựng và các hoạt động liên quan đến xây dựng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	86,68%	96,00%	Khảo sát, tư vấn thiết kế

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	20 năm
- Phần mềm kế toán	20 năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	4.695.108.794	1.332.514.825
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	129.619.399.203	49.328.908.989
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	13.000.000.000
	<u>164.314.507.997</u>	<u>63.661.423.814</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Các khoản đầu tư khác <sup>(1)</sup>	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>	-	-
- Trái phiếu <sup>(1)</sup>	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
	<b>140.250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>

(1) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng với số lượng là 140 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 05 năm kể từ tháng 06/2016 đến 06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ việc chuyển nhượng theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016 và 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 giữa Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần SCI E&C với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>43.019.351.561</b>	<b>40.486.327.500</b>	<b>(7.085.744.069)</b>	<b>40.912.601.561</b>	<b>35.340.257.500</b>	<b>(6.481.053.069)</b>
GEX	4.551.300.000	5.871.177.000	-	-	-	-
PCT	18.212.390.992	20.779.110.000	-	18.212.390.992	18.890.100.000	-
SDA	7.410.000.000	2.339.998.200	(5.070.001.800)	7.410.000.000	3.466.664.000	(3.943.336.000)
STG	5.336.850.000	5.904.600.000	-	3.877.500.000	4.108.500.000	-
DDV	5.401.440.000	3.913.260.000	(1.488.180.000)	5.401.440.000	3.511.900.000	(1.889.540.000)
VTX	1.475.610.000	1.573.984.000	-	1.475.610.000	1.377.236.000	(98.374.000)
Cổ phiếu khác	631.760.569	104.198.300	(527.562.269)	4.535.660.569	3.985.857.500	(549.803.069)
	<b>43.019.351.561</b>	<b>40.486.327.500</b>	<b>(7.085.744.069)</b>	<b>40.912.601.561</b>	<b>35.340.257.500</b>	<b>(6.481.053.069)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>85.550.000.000</b>	<b>85.550.000.000</b>	-	<b>85.550.000.000</b>	<b>85.550.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	37.000.000.000	-	37.000.000.000	37.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	18.000.000.000	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
- Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam <sup>(1)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	<b>85.550.000.000</b>	<b>85.550.000.000</b>	-	<b>85.550.000.000</b>	<b>85.550.000.000</b>	-

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà				
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	8,00%	8,00%	Đầu tư, thi công thủy điện
- Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam(1)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(1) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	4.377.093.926	19.197.109.863
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	45.019.748.608	9.925.899.638
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	21.140.229.599	19.508.203.926
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	32.040.442.475	20.123.753.520
Chi nhánh TCT Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.227.538.991	7.269.199.361
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	16.381.099.941	10.437.388.236
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	8.331.926.112	3.370.553.878
Công ty Cổ phần Licogi 13	6.343.046.996	6.843.046.996
Các khoản phải thu khách hàng khác	30.095.257.474	33.235.349.485
	<b>191.956.384.122</b>	<b>129.910.504.903</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	191.956.384.122	129.910.504.903
	<b>191.956.384.122</b>	<b>129.910.504.903</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.769.444	-	6.788.853.608	-
Phải thu người lao động	1.291.287.640	-	318.438.120	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	51.226.965	-	8.171.397.525	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	13.937.292.823	-	12.188.772.338	-
Ký cược, ký quỹ	19.500.000	-	16.000.000	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng công trình	2.519.776.236	-	3.904.368.181	-
Công ty Cổ phần SXTM và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Thuế nhà thầu tạm nộp Công trình Nam Theun Lào	2.133.231.615	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn XD&TM Thành Vinh	-	-	1.200.000.000	-
Phải thu khác	17.967.894.395	(4.383.965.429)	17.604.636.194	(5.209.909.133)
	<b>39.304.580.368</b>	<b>(4.383.965.429)</b>	<b>51.497.067.216</b>	<b>(5.209.909.133)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	660.000.000	-	615.960.000	-
	<b>660.000.000</b>	<b>-</b>	<b>615.960.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình Năm Chiến	15.645.063.853	8.430.197.955	14.013.038.180	7.006.519.090
- Công ty CP XL và PT Thành Nam	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	4.373.658.166
- Công ty CP Licogi 13	6.343.046.996	6.343.046.996	6.843.046.996	4.790.132.897
- Công ty CP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	2.397.632.595
- Các khoản khác	17.027.721.369	5.362.576.555	29.333.988.946	17.460.497.324
	<b>48.689.104.734</b>	<b>24.972.457.764</b>	<b>59.863.346.638</b>	<b>36.028.440.072</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.274.544.111	-	27.424.030.439	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	216.325.055.408	-	141.437.688.546	-
	<b>242.599.599.519</b>	<b>-</b>	<b>168.861.718.985</b>	<b>(21.037.532)</b>

**9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>244.033.726.425</b>	<b>114.079.736.524</b>
- Dự án công trình Thủy điện Canan <sup>(1)</sup>	243.592.104.834	113.988.827.433
- Dự án khác	441.621.591	90.909.091
	<b>244.033.726.425</b>	<b>114.079.736.524</b>

(1) Dự án công trình thủy điện Canan do công ty TNHH Năng lượng Sovico - Nghệ An là chủ đầu tư. Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 4586247383 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2009, chứng nhận lần ba ngày 25 tháng 07 năm 2016 dự án có tổng mức đầu tư là 810.842.000.000 đồng.

Quy mô dự án: tổng công suất lắp máy 12MW. Trong đó:

- Nhà máy thủy điện Canan 1: Dự kiến phát điện vào quý 3 năm 2018;
- Nhà máy thủy điện Canan 2: Dự kiến phát điện vào quý 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.221.128.927	142.801.600.105	83.053.973.178	512.823.280	8.778.332.728	246.367.858.218
- Mua trong kỳ	-	4.646.472.728	5.296.459.999	39.550.000	-	9.982.482.727
- Phân loại lại tài sản cố định	-	-	8.778.332.728	-	(8.778.332.728)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.800.544.443)	(5.931.501.538)	-	-	(9.732.045.981)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.221.128.927</b>	<b>143.647.528.390</b>	<b>91.197.264.367</b>	<b>552.373.280</b>	<b>-</b>	<b>246.618.294.964</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.517.637.016	49.335.477.638	40.425.140.887	402.571.117	109.729.158	96.790.555.816
- Khấu hao trong kỳ	140.264.112	7.802.974.619	5.114.097.164	35.074.576	-	13.092.410.471
- Phân loại lại tài sản cố định	-	-	109.729.158	-	(109.729.158)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.489.907.450)	(5.622.759.038)	-	-	(9.112.666.488)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.657.901.128</b>	<b>53.648.544.807</b>	<b>40.026.208.171</b>	<b>437.645.693</b>	<b>-</b>	<b>100.770.299.799</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	4.703.491.911	93.466.122.467	42.628.832.291	110.252.163	8.668.603.570	149.577.302.402
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.563.227.799</b>	<b>89.998.983.583</b>	<b>51.171.056.196</b>	<b>114.727.587</b>	<b>-</b>	<b>145.847.995.165</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.841.877.952 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Nhãn hiệu, thương hiệu</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Số dư cuối kỳ	<u>92.500.000</u>	<u>250.000.000</u>	<u>342.500.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	92.500.000	140.625.045	233.125.045
- Khấu hao trong kỳ	-	6.250.002	6.250.002
Số dư cuối kỳ	<u>92.500.000</u>	<u>146.875.047</u>	<u>239.375.047</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	109.374.955	109.374.955
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>103.124.953</u>	<u>103.124.953</u>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	622.646.841	650.227.338
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	791.113.213	82.401.031
	<u>1.413.760.054</u>	<u>732.628.369</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.320.136.911	3.026.527.986
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	48.995.833	166.585.833
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.463.453.309	5.715.443.758
Chi phí trả trước dài hạn khác	368.055.549	472.222.222
	<u>5.200.641.602</u>	<u>9.380.779.799</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	20.759.294.191	20.759.294.191	10.519.685.177	10.519.685.177
Công ty TNHH SX và Thương mại thép Bắc Việt	4.411.105.364	4.411.105.364	3.959.547.327	3.959.547.327
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash	4.265.300.000	4.265.300.000	2.988.300.000	2.988.300.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo An Thuận Phát	5.230.581.039	5.230.581.039	1.778.319.726	1.778.319.726
Phải trả các đối tượng khác	37.752.837.811	37.752.837.811	53.214.257.261	53.214.257.261
	<b>72.419.118.405</b>	<b>72.419.118.405</b>	<b>72.460.109.491</b>	<b>72.460.109.491</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	72.419.118.405	72.419.118.405	72.460.109.491	72.460.109.491
	<b>72.419.118.405</b>	<b>72.419.118.405</b>	<b>72.460.109.491</b>	<b>72.460.109.491</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Năng Lượng GELEX	50.000.000.000	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam - BDA Nhiệt điện Long Phú	94.383.164.002	29.370.854.216
Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	2.500.000.000	-
Người mua ứng tiền trước khác	2.251.815.146	2.532.660.508
	<b>149.134.979.148</b>	<b>31.903.514.724</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.469.086.961	6.170.011.904	-	299.075.057
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52.863.721	5.440.357.923	2.009.614.250	2.118.317.852	-	5.278.790.600
Thuế Thu nhập cá nhân	-	332.940.515	519.642.593	583.718.527	506.737	269.371.318
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	130.110.019	-	41.094.486	-	89.015.533	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	6.000.000	6.000.000	-	39.604.543
	<b>182.973.740</b>	<b>5.818.093.488</b>	<b>9.045.438.290</b>	<b>8.878.048.283</b>	<b>89.522.270</b>	<b>5.892.032.025</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	906.088.222	529.712.499
- Trích trước giá vốn công trình	21.015.462.015	9.774.321.824
- Chi phí phải trả khác	738.242.243	892.288.470
	<u><u>22.659.792.480</u></u>	<u><u>11.196.322.793</u></u>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	567.913.819	411.603.861
- Bảo hiểm xã hội	486.328.306	314.957.327
- Bảo hiểm y tế	6.552.015	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.422.660	38.810.950
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	50.000.000.000	-
- Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	329.400.000	519.000.000
- Phải trả vật tư tạm nhập chưa có hóa đơn	3.000.553.017	1.581.524.000
- Phải trả Công ty TNHH Petro Lào	9.033.920.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.545.323.953	2.097.571.151
	<u><u>65.978.413.770</u></u>	<u><u>4.963.467.289</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><u>56.815.000</u></u>	<u><u>56.815.000</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>191.794.148.843</b>	<b>191.794.148.843</b>	<b>281.563.253.106</b>	<b>186.549.682.826</b>	<b>286.807.719.123</b>	<b>286.807.719.123</b>
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>167.612.149.067</b>	<b>167.612.149.067</b>	<b>279.969.253.106</b>	<b>171.687.074.980</b>	<b>275.894.327.193</b>	<b>275.894.327.193</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	118.647.529.279	118.647.529.279	246.920.072.439	143.660.945.423	221.906.656.295	221.906.656.295
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	47.164.619.788	47.164.619.788	24.549.180.667	22.726.129.557	48.987.670.898	48.987.670.898
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	1.800.000.000	1.800.000.000	5.500.000.000	5.300.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>24.181.999.776</b>	<b>24.181.999.776</b>	<b>1.594.000.000</b>	<b>14.862.607.846</b>	<b>10.913.391.930</b>	<b>10.913.391.930</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	6.752.750.000	6.752.750.000	1.594.000.000	3.302.250.000	5.044.500.000	5.044.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây	17.429.249.776	17.429.249.776	-	11.560.357.846	5.868.891.930	5.868.891.930
	<b>191.794.148.843</b>	<b>191.794.148.843</b>	<b>281.563.253.106</b>	<b>186.549.682.826</b>	<b>286.807.719.123</b>	<b>286.807.719.123</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	18.322.467.687	18.322.467.687	275.000.000	1.782.250.000	16.815.217.687	16.815.217.687
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	28.052.944.650	28.052.944.650	5.889.819.822	390.968.387	33.551.796.085	33.551.796.085
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM <sup>(1)</sup>	-	-	76.433.868.447	-	76.433.868.447	76.433.868.447
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	<b>131.375.412.337</b>	<b>131.375.412.337</b>	<b>82.598.688.269</b>	<b>2.173.218.387</b>	<b>211.800.882.219</b>	<b>211.800.882.219</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn**

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng/Hợp đồng</b>	<b>Hạn mức/ Số tiền vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Thời hạn hợp đồng</b>	<b>Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017</b>	<b>Phương thức bảo đảm tiền vay</b>
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/283367/HĐTĐ ngày 17/03/2017	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	221.906.656.295	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 16174/HĐTĐ.DAH ngày 22/07/2016	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp tín dụng là đến 31/07/2017	48.987.670.898	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
<b>3</b>	<b>Công ty Cổ phần SCI Lai Châu</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 1704/2017/HĐTĐ ngày 17/04/2017	3.000.000.000	Lãi suất vay cố định là 5,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	06 tháng kể từ ngày 17/04/2017 đến 16/10/2017	3.000.000.000	Tín chấp
<b>4</b>	<b>Vay cá nhân khác</b>						
	Hợp đồng vay ông Nguyễn Công Hòa	1.000.000.000	Lãi suất cố định 4,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Kể từ ngày 28/04/2017 đến 03/07/2017	1.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay ông Phan Thanh Hải	1.000.000.000	Lãi suất cố định 4,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kể từ ngày 28/04/2017 đến 03/07/2017	1.000.000.000	Tín chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn**

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng/Hợp đồng</b>	<b>Hạn mức/ Số tiền vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Thời hạn hợp đồng</b>	<b>Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017</b>	<b>Phương thức bảo đảm tiền vay</b>
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	4.193.000.000	Lãi suất trước 31/12/2014 là 11%/năm; Sau thời điểm này, lãi suất áp dụng thả nổi và điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 5)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	1.886.850.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTD ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	3.270.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/283367/HĐTD ngày 02/02/2015	950.000.000	Lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua xe BMW 320i	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	422.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTD ngày 05/03/2015	1.799.000.000	Lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 7)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	888.334.250	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	7.489.411.765	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTD ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.588.748.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTD ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.395.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng/Hợp đồng</b>	<b>Hạn mức/ Số tiền vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Thời hạn hợp đồng</b>	<b>Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017</b>	<b>Phương thức bảo đảm tiền vay</b>
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 02/2016/283367/HĐTD ngày 26/09/2016	642.000.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy hàn cần cột và cần điện tử	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	496.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTD ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.360.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTD ngày 14/10/2016	502.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua cần điện tử và máy nén khí	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	328.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTD ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	10.690.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	1.964.144.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.964.144.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	642.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng/Hợp đồng</b>	<b>Hạn mức/ Số tiền vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Thời hạn hợp đồng</b>	<b>Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017</b>	<b>Phương thức bảo đảm tiền vay</b>
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Lãi suất cố định 9%/năm cho khoản vay trước 31/03/2016; Khoản vay sao áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần.	Mua MMTB, PTVT để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	8.765.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số DAH- HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	1.875.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau được điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy móc thiết bị	42 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	432.750.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH.HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Somi Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	574.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	12.087.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>						
	Hợp đồng số 17.2680030/2017- HĐCVDADT/NHCT900- SOVICO NGHEAN	567.982.000.000	Lãi suất vay được quy định tại từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ	Thanh toán chi phí đầu tư Dự án thủy điện Ca Nan 1 và Ca Nan 2	14 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	76.433.868.447	Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Thông tin bổ sung khoản phát hành trái phiếu****Trái phiếu thường**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
- Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10%	36 tháng	85.000.000.000	10%	36 tháng
	<b>85.000.000.000</b>			<b>85.000.000.000</b>		

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	13.132.721.174	1.749.295.262	14.882.016.436
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.034.280.021	(1.585.896.032)	(529.984.011)	(1.081.600.022)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(162.901.958)	-	(162.901.958)
Giảm khác	-	-	-	(140.148.000)	(134.652.000)	(274.800.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>370.000.000.000</u>	<u>982.166.000</u>	<u>9.226.367.080</u>	<u>59.410.095.625</u>	<u>62.142.483.260</u>	<u>501.761.111.965</u>
Số dư đầu năm nay	388.491.390.000	982.166.000	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.639
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	120.000.000	120.000.000
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	3.226.491.336	(380.123.210)	2.846.368.126
Phân phối lợi nhuận	-	-	282.664.892	(433.419.501)	(2.594.842.663)	(2.745.597.272)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(507.000.000)	(147.000.000)	(654.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>388.491.390.000</u>	<u>982.166.000</u>	<u>9.509.031.972</u>	<u>44.978.340.293</u>	<u>55.682.496.228</u>	<u>499.643.424.493</u>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	388.491.390.000	100,00%	388.491.390.000	100,00%
	<u>388.491.390.000</u>	<u>100%</u>	<u>388.491.390.000</u>	<u>100%</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	370.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	388.491.390.000	370.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	388.491.390.000	370.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.849.139	38.849.139
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.509.031.972	9.226.367.080
	<b>9.509.031.972</b>	<b>9.226.367.080</b>
<b>20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	10.575.772.556	2.935.110.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	717.890.419	2.979.048.344
Doanh thu hợp đồng xây dựng	163.879.507.524	107.020.791.698
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	163.879.507.524	107.020.791.698
	<b>175.173.170.499</b>	<b>112.934.950.854</b>
<b>21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.500.005.089	2.459.432.729
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	645.050.873	4.857.865.645
Giá vốn hợp đồng xây dựng	132.495.614.072	83.906.095.754
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.037.532)	-
	<b>143.619.632.502</b>	<b>91.223.394.128</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.152.957.683	3.055.115.707
Lãi bán các khoản đầu tư	454.780.500	45.681.856.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	252.852.500	5.741.422.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	130.380.287	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	71.175.814	-
	<b>9.062.146.784</b>	<b>54.478.394.591</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.951.081.042	11.542.434.087
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	307.216.000	19.077.355.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.487.665	107.766.258
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	604.691.000	(4.776.581.245)
Chi phí tài chính khác	697.196.078	1.195.168.898
	<b>19.615.671.785</b>	<b>27.146.143.219</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.817.561.405	3.191.064.734
Chi phí nhân công	6.400.344.143	7.430.008.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.313.742	1.067.431.512
Thuế, phí, lệ phí	437.471.889	277.374.953
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(118.259.596)	14.483.707.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.375.259.277	2.875.614.918
Chi phí khác bằng tiền	4.682.086.498	2.826.910.464
	<b>17.377.777.358</b>	<b>32.152.112.315</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.009.614.250	2.327.083.576
	<b>2.009.614.250</b>	<b>2.327.083.576</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.111.141.571	1.879.240.400
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.111.141.571</b>	<b>1.879.240.400</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.976.163.723	2.976.163.723
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>2.976.163.723</b>	<b>2.976.163.723</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	47.068.400
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(1.231.901.171)	-
	<b>(1.231.901.171)</b>	<b>47.068.400</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.226.491.336	13.132.721.174
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.226.491.336	13.132.721.174
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	38.849.139	37.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>83</b>	<b>355</b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.247.434.475	54.730.318.636
Chi phí nhân công	45.952.526.651	10.939.658.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.098.660.473	8.688.448.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.082.171.364	42.290.347.364
Chi phí khác bằng tiền	16.680.408.168	10.586.139.559
	<b>244.061.201.131</b>	<b>127.234.912.357</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	164.314.507.997	-	63.661.423.814	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.920.964.490	(23.716.646.970)	182.023.532.119	(23.834.906.566)
Đầu tư ngắn hạn	43.269.351.561	(7.085.744.069)	181.162.601.561	(6.481.053.069)
Đầu tư dài hạn	225.550.000.000	-	85.550.000.000	-
	<b>665.054.824.048</b>	<b>(30.802.391.039)</b>	<b>512.397.557.495</b>	<b>(30.315.959.635)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			498.608.601.342	323.169.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác			138.454.347.175	77.480.391.780
Chi phí phải trả			22.659.792.480	11.196.322.793
			<b>659.722.740.997</b>	<b>411.846.275.753</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	164.314.507.997	-	-	164.314.507.997
Phải thu khách hàng, phải thu khác	207.544.317.520	660.000.000	-	208.204.317.520
Đầu tư ngắn hạn	36.183.607.492	-	-	36.183.607.492
Đầu tư dài hạn	-	225.550.000.000	-	225.550.000.000
	<b>408.042.433.009</b>	<b>226.210.000.000</b>	<b>-</b>	<b>634.252.433.009</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.661.423.814	-	-	63.661.423.814
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.572.665.553	615.960.000	-	158.188.625.553
Đầu tư ngắn hạn	174.681.548.492	-	-	174.681.548.492
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	<b>395.915.637.860</b>	<b>86.165.960.000</b>	<b>-</b>	<b>482.081.597.860</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	286.807.719.123	211.800.882.219	-	498.608.601.342
Phải trả người bán, phải trả khác	138.397.532.175	56.815.000	-	138.454.347.175
Chi phí phải trả	22.659.792.480	-	-	22.659.792.480
	<b>447.865.043.778</b>	<b>211.857.697.219</b>	<b>-</b>	<b>659.722.740.997</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	191.794.148.843	131.375.412.337	-	323.169.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	77.423.576.780	56.815.000	-	77.480.391.780
Chi phí phải trả	11.196.322.793	-	-	11.196.322.793
	<b>280.414.048.416</b>	<b>131.432.227.337</b>	<b>-</b>	<b>411.846.275.753</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.105.899.564	71.067.270.935	175.173.170.499
Tài sản bộ phận	1.255.707.100.957	85.475.243.431	1.341.182.344.388
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.982.482.727	-	9.982.482.727

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	923.000.000	494.700.000

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Quách Thị Thanh Thủy**  
Người lập

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017



**Cao Lữ Phi Hùng**  
Kế toán trưởng



**Lương Thanh Tùng**  
Tổng Giám đốc

